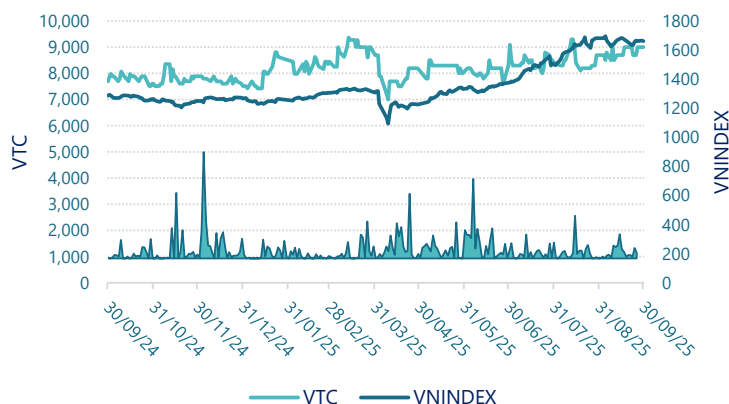


CTCP Viễn thông VTC (HNX: VTC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	9,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,371
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,000
SL cổ phiếu LH	4,529,143
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,175
% sở hữu nước ngoài	10.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	41
P/E	7.7
EPS	1,167

DT thuần

Q3/25

49.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼40.0| -44.8%

YoY: ▼18.1| -26.8%

LN sau thuế

Q3/25

-2.97

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.38| -14.6%

YoY: ▼1.50| -102%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

-1.7%

+/- YoY: ▼ 3.7%

DT thuần

9T 2025

161

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 11.0| 7.9%

LN sau thuế

9T 2025

-14.0

tỷ VNĐ

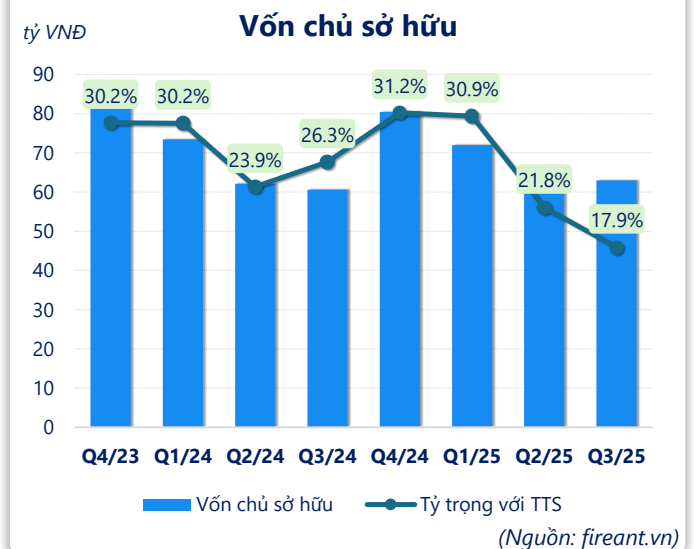
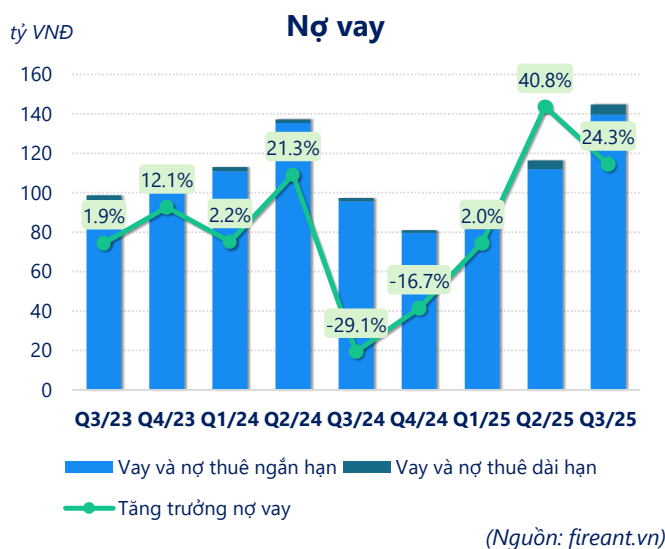
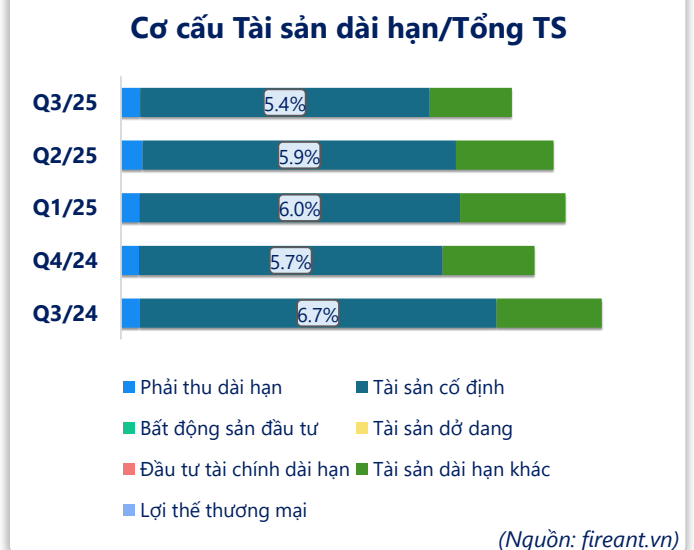
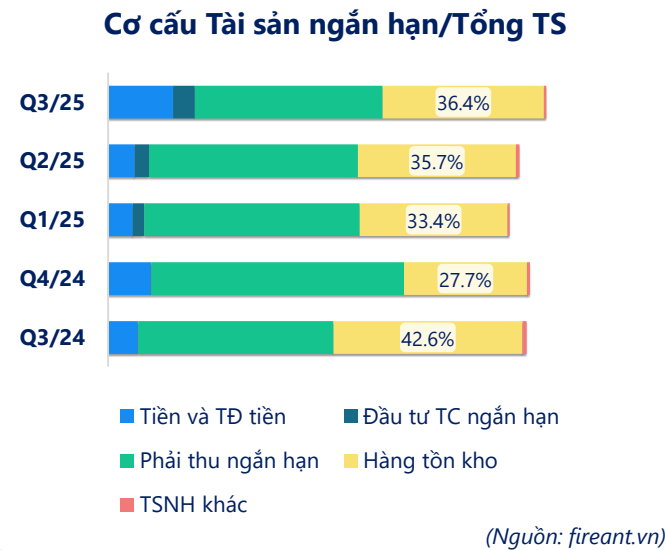
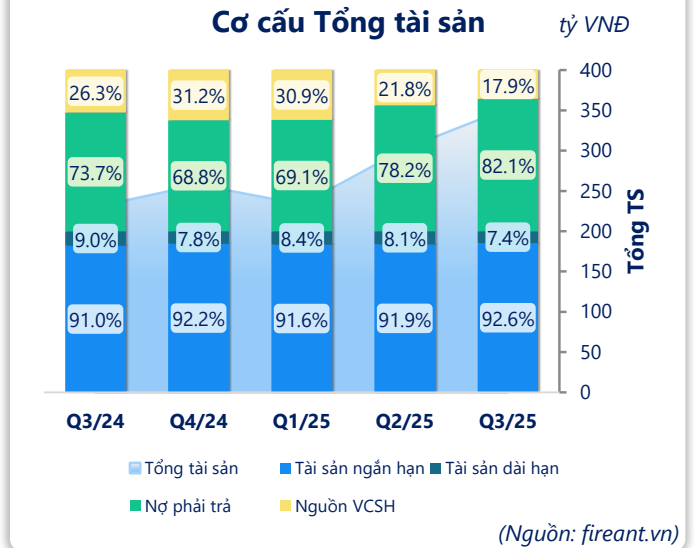
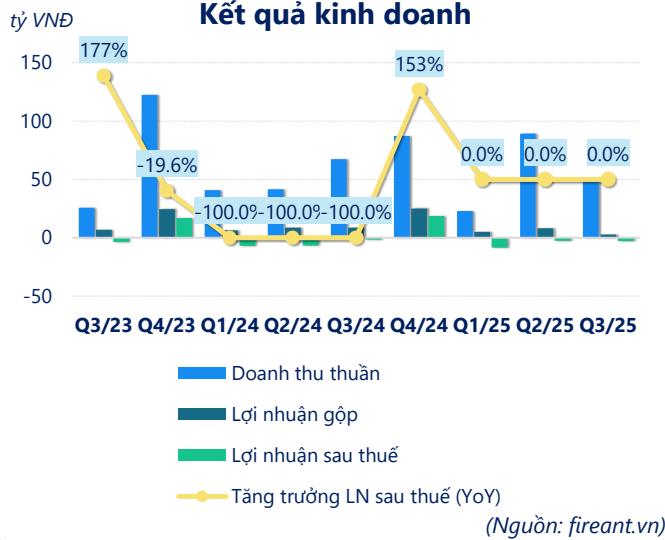
YoY: ▲ 1.10| 7.3%

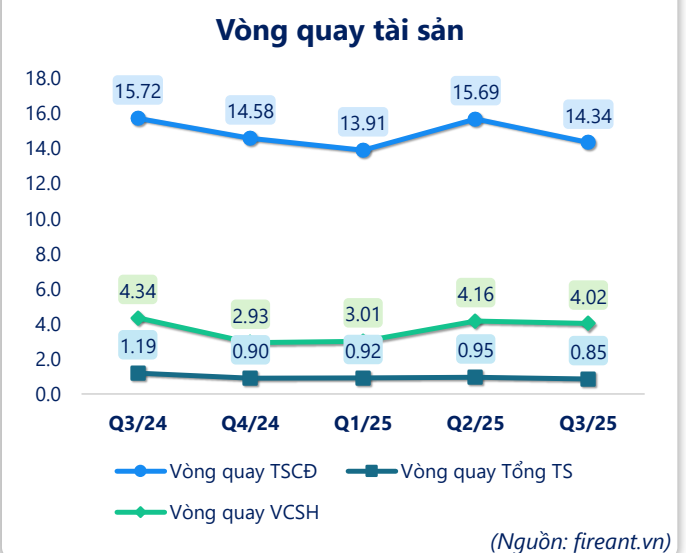
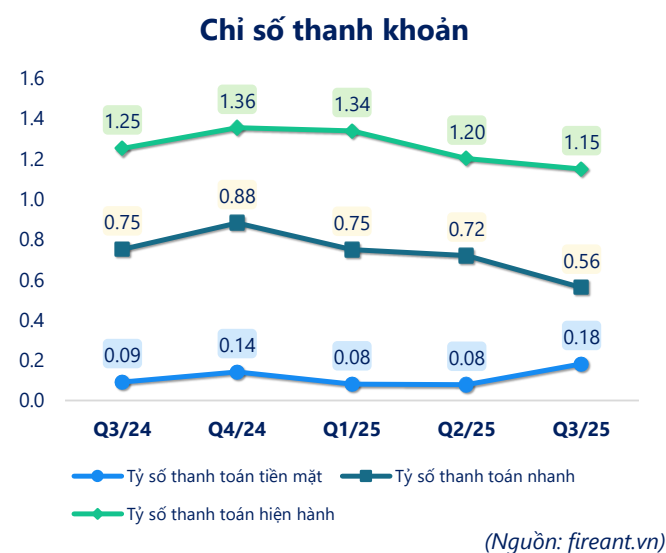
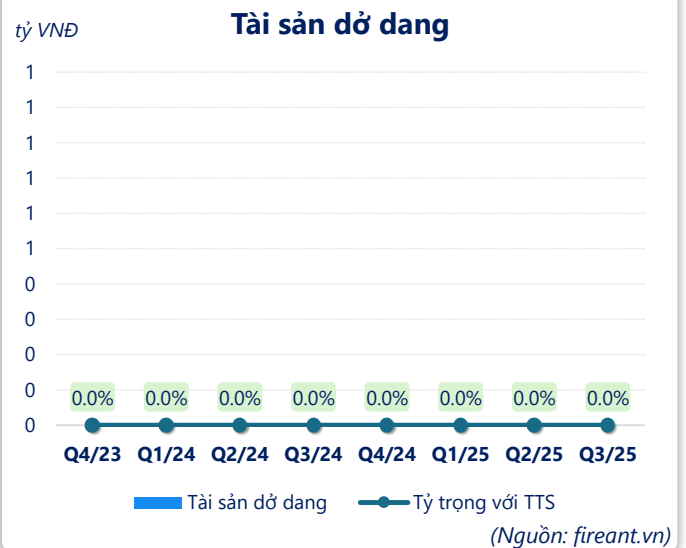
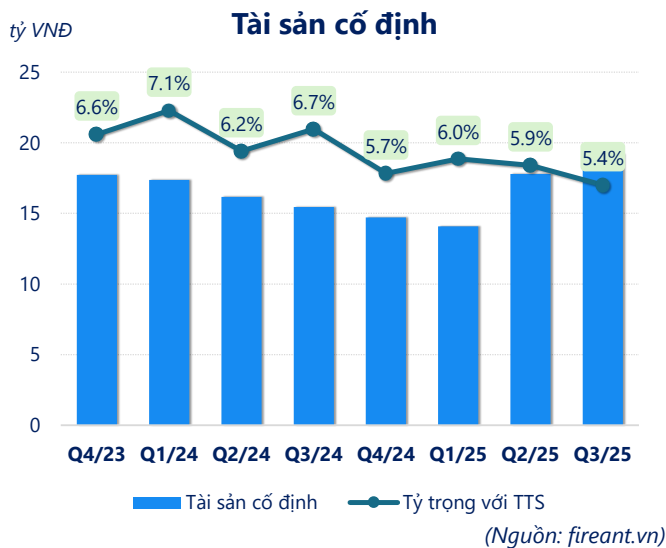
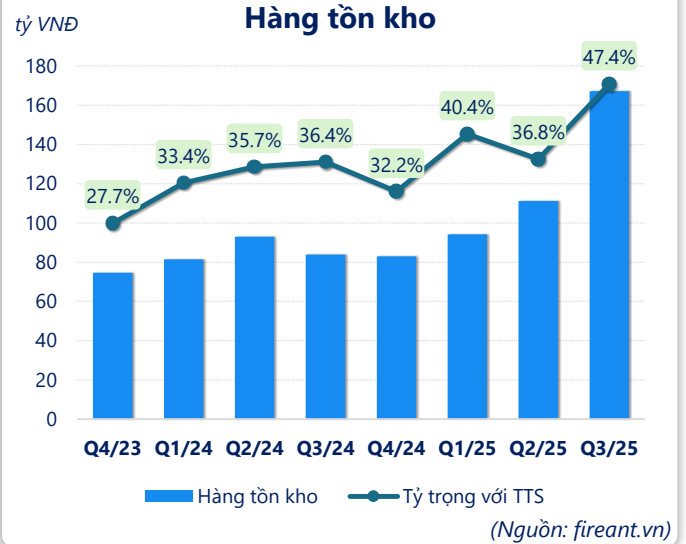
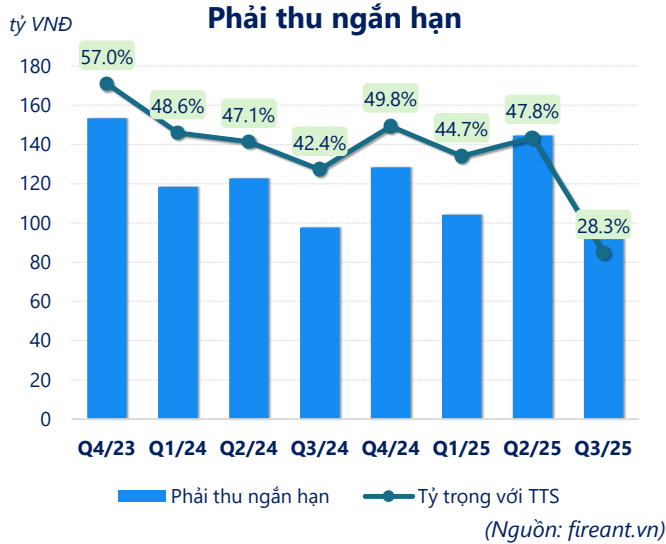
ROE

Q3/25

8.6%

+/- YoY: ▲ 5.4%





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	230	258	233	302	352
Tài sản ngắn hạn	209	238	214	278	327
Tiền và tương đương tiền	15.4	24.9	12.9	18.2	51.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.3	0.31	0.62	0.62	0.62
Phải thu ngắn hạn	97.6	128	104	145	99.7
Hàng tồn kho	83.8	83.0	94.2	111	167
Tài sản ngắn hạn khác	1.27	1.23	1.81	3.06	7.35
Tài sản dài hạn	20.8	20.0	19.5	24.6	25.9
Phải thu dài hạn	0.81	0.87	0.80	1.23	1.27
Tài sản cố định	15.5	14.7	14.1	17.8	19.2
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	4.56	4.46	4.62	5.54	5.48
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	170	177	161	236	290
Nợ ngắn hạn	167	175	160	231	284
Vay và nợ thuê ngắn hạn	95.7	79.7	81.6	112	140
Phải trả người bán ngắn hạn	56.2	79.7	58.9	98.0	123
Nợ dài hạn	2.49	1.94	1.70	5.40	5.58
Vay và nợ thuê dài hạn	1.59	1.35	1.11	4.42	5.22
Nguồn vốn chủ sở hữu	60.6	80.4	72.0	65.9	62.9
Vốn chủ sở hữu	60.6	80.4	72.0	65.9	62.9
Vốn điều lệ	45.3	45.3	45.3	45.3	45.3
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)